

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định giá dịch vụ sử dụng đò, phà  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 413<sup>A</sup>/TTr-SGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2016.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá tối đa đối với các dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, kinh doanh và sử dụng dịch vụ đò, phà trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 3. Giá tối đa đối với các dịch vụ sử dụng đò, phà**

TT	NỘI DUNG GIÁ	Đơn vị tính	Mức thu tối đa	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Đò ngang, phà cự ly dưới 500 mét</b>			
	a) Hành khách đi bộ	Đồng/người/lượt	1.000	
	b) Hành khách đi bộ mua vé tháng	Đồng/người/tháng	9.000	
	c) Khách đi xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	1.000	
	d) Khách đi xe đạp, xe đạp điện mua vé tháng	Đồng/xe/tháng	18.000	
	đ) Khách đi xe gắn máy, xe máy điện, xe mô tô hai bánh	Đồng/xe/lượt	2.000	
	e) Khách đi xe gắn máy, xe máy điện, xe mô tô hai bánh mua vé tháng	Đồng/xe/tháng	36.000	
	g) Hàng hóa	Đồng/50 kg hàng hóa	1.000	
	h) Ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống	Đồng/xe/lượt	10.000	
	i) Ô tô từ 10 chỗ đến 16 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	15.000	
	k) Ô tô trên 16 chỗ đến 25 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	20.000	
	l) Ô tô trên 25 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	25.000	
	m) Ô tô chở hàng trọng tải từ 2,5 tấn trở xuống	Đồng/xe/lượt	15.000	
	n) Ô tô chở hàng trọng tải trên 2,5 tấn đến 5 tấn	Đồng/xe/lượt	20.000	
	o) Ô tô chở hàng trọng tải trên 5 tấn trở lên	Đồng/xe/lượt	25.000	
<b>2</b>	<b>Đò ngang, phà cự ly từ 500 mét trở lên</b>			
	a) Hành khách đi bộ	Đồng/người/lượt	1.000	
	b) Hành khách đi bộ mua vé tháng	Đồng/người/tháng	18.000	
	c) Khách đi xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	1.500	
	d) Khách đi xe đạp, xe đạp điện mua vé tháng	Đồng/xe/tháng	27.000	

d) Khách đi xe gắn máy, xe máy điện, xe mô tô hai bánh	Đồng/xe/lượt	2.500	
e) Khách đi xe gắn máy, xe máy điện, xe mô tô hai bánh mua vé tháng	Đồng/xe/tháng	40.000	
g) Hàng hóa	Đồng/50kg	1.500	
h) Ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống	Đồng/xe/lượt	12.000	
i) Ô tô từ 10 chỗ đến 16 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	18.000	
k) Ô tô trên 16 chỗ đến 25 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	24.000	
l) Ô tô trên 25 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	30.000	
m) Ô tô chở hàng trọng tải từ 2,5 tấn trở xuống	Đồng/xe/lượt	18.000	
n) Ô tô chở hàng trọng tải trên 2,5 tấn đến 5 tấn	Đồng/xe/lượt	24.000	
o) Ô tô chở hàng trọng tải trên 5 tấn trở lên	Đồng/xe/lượt	30.000	

#### **Điều 4. Một số quy định cụ thể**

1. Giá dịch vụ sử dụng đò, phà từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau được tăng không quá hai lần mức thu ban ngày.

2. Giá dịch vụ sử dụng đò, phà nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và bảo hiểm hành khách.

3. Các tổ chức, cá nhân đầu tư các đò, phà bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước không được thu cao hơn giá tối đa quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quyết định này.

4. Các tổ chức, cá nhân thu giá dịch vụ sử dụng đò, phà có trách nhiệm niêm yết giá tại hai đầu bến, trên phương tiện và thu đúng giá niêm yết.

5. Việc thực hiện chế độ miễn giảm giá dịch vụ sử dụng đò, phà theo quy định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

Giao cho Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, triển khai và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

## Điều 6. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tạm ngưng thu phí mua vé tháng qua đò, qua phà trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 17/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành biểu mức thu; việc quản lý thu, chi; chế độ miễn, giảm phí qua đò, qua phà trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. / *Đạt*

### Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, SGTVT. tthuy &†

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Vũ Hồng**

